

NGÀNH DẦU KHÍ TRUNG NGUỒN

Xu hướng sử dụng khí LNG ngày càng phổ biến

Triển vọng	Tích cực
Khuyến nghị	Trung lập



Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS invest



Trải nghiệm ngay bằng giá ABS Web Trading



- **Nguồn cung khí nội địa vẫn đang trên đà suy giảm.** Các mỏ khí hiện tại (chủ yếu nằm ở khu vực Đông Nam bộ) đang bước vào giai đoạn cạn kiệt, dẫn đến nguồn cung khí đốt nội địa giảm 25% trong 5 năm qua. Theo phương án cung cấp khí cho sản xuất điện đến năm 2030, Việt Nam sẽ thiếu hụt khoảng 5,4 tỷ m³ khí/năm do sự suy giảm của các mỏ lâu năm. Do đó, khí LNG sẽ là nguồn bổ sung quan trọng trong dài hạn.
- **Tình hình cung ứng khí LNG tại Việt Nam:**
 - PVGas là DN tiên phong trong lĩnh vực đầu tư xây dựng hạ tầng kho cảng LNG, trở thành doanh nghiệp đầu tiên nhập khẩu, kinh doanh LNG tại Việt Nam. Tháng 10/2023, Kho LNG Thị Vải – GD1 với công suất 1 triệu tấn/năm do PVGas làm chủ đầu tư đã đi vào vận hành chính thức với tổng vốn đầu tư 6.500 tỷ đồng. Trước đó, T7/2023, PVGas đã nhập về chuyến hàng đầu tiên 70.000 tấn LNG có giá trị 830 tỷ đồng.
 - Năm 2024 là năm đầu tiên LNG nhập khẩu được cung cấp cho sản xuất điện tại Việt Nam. Và năm 2024, PVGas đã triển khai nhập khẩu và cung cấp 400 triệu m³ khí LNG cho khách hàng Điện trong giai đoạn cao điểm mùa khô năm 2024 và phục vụ cho chạy thử dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3. Khí LNG chủ yếu được nhập khẩu từ thị trường Indonesia và Malaysia. PVGas cũng đã triển khai thành công việc cung cấp LNG cho khu vực miền Bắc bằng tàu hỏa và xe bồn từ đầu tháng 09/2024. Ngoài ra, thực hiện thành công thương vụ kinh doanh LNG quốc tế đầu tiên với khối lượng trên 70.000 tấn, và lần đầu PVGas ghi tên lên bản đồ kinh doanh LNG quốc tế.
 - PVGas đã hoàn thành đầu tư dây chuyền cấp khí cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 - góp phần hoàn thiện chuỗi hạ tầng dự án nhập khẩu LNG; chuẩn bị đầu tư các dự án kho LNG quy mô tại tỉnh Bình Thuận (Dự án LNG Sơn Mỹ - GD 1), nâng công suất kho LNG Thị Vải lên 3 triệu tấn (Dự án LNG Thị Vải – GD 2);
- **Khung giá phát điện nhà máy điện khí LNG phần nào gỡ vướng cho các dự án điện LNG.**
 - Ngày 7/5/2024, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 1260/QĐ-BCT về Khung giá phát điện nhà máy điện khí LNG. Theo đó, mức giá trần cho loại hình điện này là 2.590,85 đ/kWh. Đây được coi là căn cứ gỡ vướng mắc về giá thành, đảm bảo tiến độ cho các dự án điện khí LNG tại Việt Nam.
 - Tiến độ các dự án điện khí LNG. Trong số các dự án điện LNG theo QH điện VIII, chỉ có Dự án Nhà máy điện LNG Nhơn Trạch 3&4 đang ở giai đoạn hoàn thiện. Đây là 2 dự án trọng điểm của PVPower và là 2 dự án điện khí đầu tiên sử dụng khí LNG. Hai NMD khí NT3&4 có tổng công suất 1.624MW với tổng vốn đầu tư là gần 32.487 tỷ đồng, khi đi vào vận hành sẽ giúp PVPower nâng công suất thêm 36%. Dự kiến NT3 sẽ đi vào vận hành chính thức vào tháng 6/2025 và NT4 là sau đó 6 tháng. Dự án NT3&4 đã ký Hợp đồng mua bán điện PPA vào tháng 10/2024 nhưng chưa có cam kết sản lượng phát điện hằng năm (Qc) dài hạn nên có thể sẽ gây khó khăn trong việc xác định khối lượng LNG mua hàng năm, ảnh hưởng tới hiệu quả kinh tế của Dự án.

1. SỬ DỤNG LNG NHẪM GIẢM TÁC ĐỘNG TỚI MÔI TRƯỜNG:

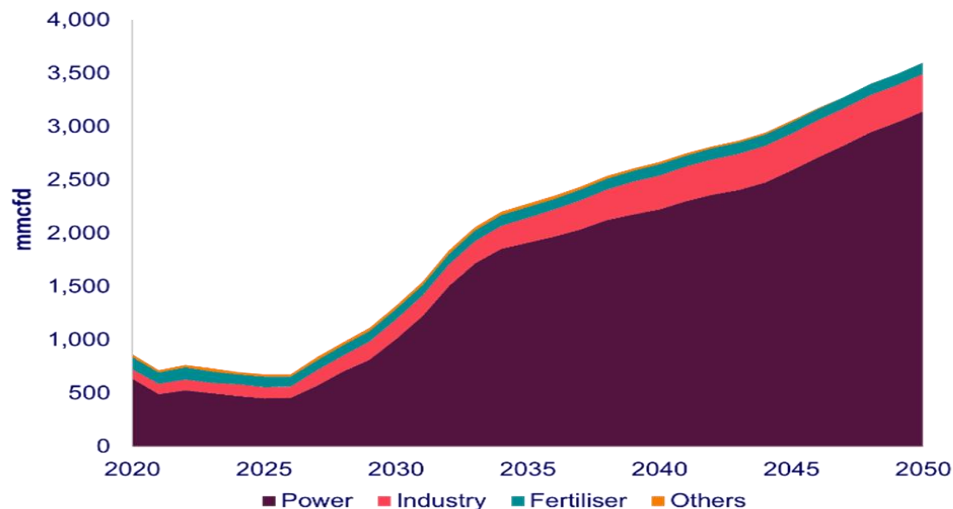
- **Ưu điểm của khí LNG:** Năng lượng sạch, an toàn & dễ vận chuyển. Khí LNG hay còn gọi là khí tự nhiên hóa lỏng, có thành phần chủ yếu là CH₄ (chiếm 95%), được làm lạnh tại nhiệt độ -162oC để chuyển sang thể lỏng, sức chứa cao hơn rất nhiều so với khí thiên nhiên nén (CNG), thuận tiện cho việc tồn chứa và vận chuyển.
 - **Khí LNG là nguồn năng lượng sạch**, giúp giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường. Khí LNG khi đốt cháy tạo ra ít hơn 40% lượng khí thải CO₂ so với than đá và ít hơn 30% so với dầu mỏ. Bên cạnh đó, khí LNG ít gây nguy hiểm cho con người và môi trường khi được sử dụng đúng cách.
 - **Dễ vận chuyển:** Khí LNG có thể dễ dàng được chuyển từ thể khí sang thể lỏng để thuận tiện cho quá trình vận chuyển & lưu trữ. Khi chuyển từ trạng thái khí sang lỏng thì thể tích của khí thiên nhiên sẽ giảm đi 600 lần (bằng 1/600 lần so với thể tích khí thiên nhiên và chứa chủ yếu thành phần methane).
- **Khí LNG có nhiều ứng dụng trong thực tiễn:**
 - Trong giao thông vận tải, khí LNG được sử dụng làm nhiên liệu thay thế cho DO và FO cho tàu biển, xe tải. LNG là một nguồn nhiên liệu sạch hơn cho tàu vận tải, sản xuất ra lượng lưu huỳnh và chất thải rắn đáng kể ít hơn so với dầu DO truyền thống. Tàu chạy bằng LNG sẽ tiết kiệm nhiên liệu, không gây tiếng ồn so với tàu truyền thống.
 - Phát điện, Khí LNG được sử dụng để chạy các nhà máy điện khí đốt nhiên liệu. Đây là một nguồn năng lượng sạch hơn so với than đá hoặc dầu, chỉ tạo ra một lượng nhỏ khí thải carbon dioxide.
 - Trong hóa chất/hóa dầu, khí LNG dùng để sản xuất phân bón, các loại nhựa, xơ, sợi...
 - Trong sản xuất công nghiệp như sản xuất thép, gốm sứ, hay thực phẩm, khí LNG được sử dụng làm nhiên liệu cho các quy trình sản xuất, giúp tăng hiệu suất và giảm chi phí.
- **Việt Nam cam kết mạnh mẽ trong chuyển đổi năng lượng xanh để giảm thiểu tác động môi trường, là yêu cầu bắt buộc nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và hướng tới tương lai phát triển bền vững của Việt Nam.**
 - Việt Nam là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất ở Đông Nam Á, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm là 5,8% trong giai đoạn 2011-2023. Tuy nhiên, để đạt được thành tựu tăng trưởng kinh tế ấn tượng này, Việt Nam đã phải trả giá đắt về môi trường do còn phụ thuộc nhiều vào nhiên liệu hóa thạch, đặc biệt là than đá, để đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng.
 - Việt Nam có mức phát thải khí CO₂ bình quân trên EJ năng lượng sơ cấp tương đối cao (tới 63,12 tấn/EJ). Đặc biệt, tổng mức phát thải khí CO₂ bình quân trong giai đoạn 2011 – 2021 tăng 7,5%/năm.
 - Tại COP26, Việt Nam đã đưa ra cam kết mạnh mẽ: sẽ giảm mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

2. NHU CẦU KHÍ LNG, ĐẶC BIỆT PHỤC VỤ CHO ĐIỆN CỦA VIỆT NAM TƯƠNG ĐỐI CAO:

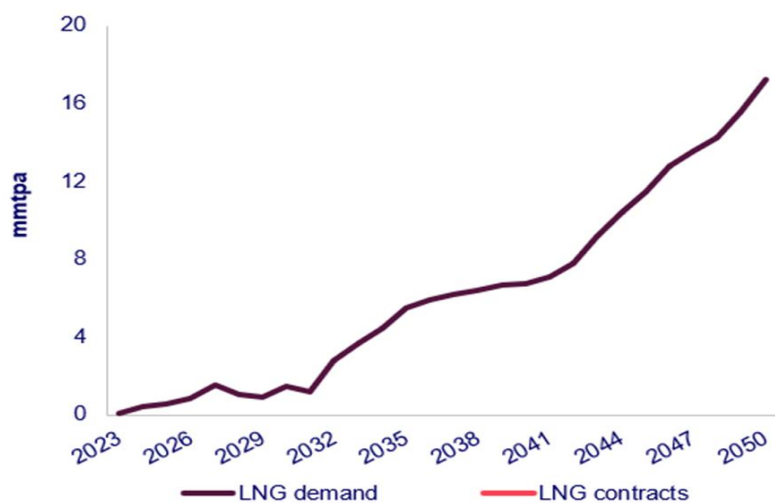
- Theo dự báo của Công ty Nghiên cứu và Tư vấn Thị trường Năng lượng Wood Mackenzie, nhu cầu khí đốt của Việt Nam tăng trung bình 12%/năm và có thể tăng gấp 3 lần vào giữa những năm 2030. Nguyên nhân chủ yếu là do để đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng cao. Ngành điện lực Việt Nam sẽ tiếp tục dẫn đầu trong tiêu thụ khí đốt, trong đó điện khí sẽ đóng góp tới 14,9% tổng sản lượng điện vào năm 2030. Theo QH điện VIII, từ nay tới năm 2030, nhu cầu điện là rất cao để đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm trong giai đoạn 2021 – 2030, trong đó điện khí chiếm 32,16% điện năng toàn hệ thống. Với cơ cấu nguồn điện như trên, cùng với định hướng đến năm 2050 không còn sử dụng than cho phát điện, vai trò của các nhà máy điện khí trong hệ thống điện là tất yếu - nguồn điện duy nhất không bị ảnh hưởng đáng kể bởi thời tiết so với thủy điện, điện gió, mặt trời.
- Than đá, dầu mỏ, khí đốt tự nhiên là ba loại nhiên liệu hóa thạch được sử dụng phổ biến để phát triển điện ở nhiều quốc gia. Trong khi đó, điện khí tự nhiên hóa lỏng LNG là loại năng lượng kỳ vọng giúp giảm phát thải carbon, nhờ đó giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực lên môi trường và bầu khí quyển. Điện khí LNG còn có ưu điểm linh hoạt, đảm bảo nguồn cung không bị gián đoạn do yếu tố thời tiết. LNG được coi là “nhiên liệu cầu nối” trong quá trình chuyển dịch từ năng lượng hóa thạch sang các loại nhiên liệu xanh, sạch, thân thiện với môi trường hơn, nhằm đảm bảo mục tiêu an ninh năng lượng cho sự phát triển bền vững của các quốc gia.
- Việt Nam đang phải đối mặt với nguồn cung khí nội địa suy giảm. Các mỏ khí hiện tại (chủ yếu nằm ở khu vực Đông Nam bộ) đang bước vào giai đoạn cạn kiệt, dẫn đến nguồn cung khí đốt nội địa giảm 25% trong 5 năm qua. Theo phương án cung cấp khí cho sản xuất điện đến năm 2030, Việt Nam sẽ thiếu hụt khoảng 5,4 tỷ m³ khí/năm do sự suy giảm của các mỏ lâu năm. Do đó, khí LNG sẽ là nguồn bổ sung quan trọng trong dài hạn.
- Xu hướng điện khí LNG được khẳng định vai trò trong QH điện VIII. Dự kiến đến năm 2030, tổng quy mô công suất các dự án nhà máy điện khí được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành là 30.424 MW với 23 dự án, trong đó tổng công suất nhà máy điện khí sử dụng khí khai thác trong nước là 7.900 MW (10 dự án), tổng công suất nhà máy điện sử dụng LNG là 22.524 MW (13 dự án), tiêu thụ khoảng 22,5 tỷ m³ khí/năm, tương đương 16,1 triệu tấn LNG/năm, chiếm 14,9% tổng nguồn điện của cả nước.
- Theo Quy hoạch phát triển công nghiệp khí VN đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 thì đến năm 2035, Việt Nam sẽ có 7 kho chứa được quy hoạch với tổng công suất lên tới 26 triệu tấn/năm. Trong giai đoạn đến năm 2025, dự kiến có 4 dự án được triển khai, trong đó Dự án LNG Thị Vải & Dự án LNG Sơn Mỹ giai đoạn 1 có dấu hiệu tích cực khi PVGas đang đẩy nhanh đầu tư.

XU HƯỚNG SỬ DỤNG LNG NGÀY Càng PHỔ BIẾN (tiếp)

Nhu cầu khí đốt của Việt Nam theo ngành



Nhu cầu khí LNG và hợp đồng mua bán LNG tại Việt Nam

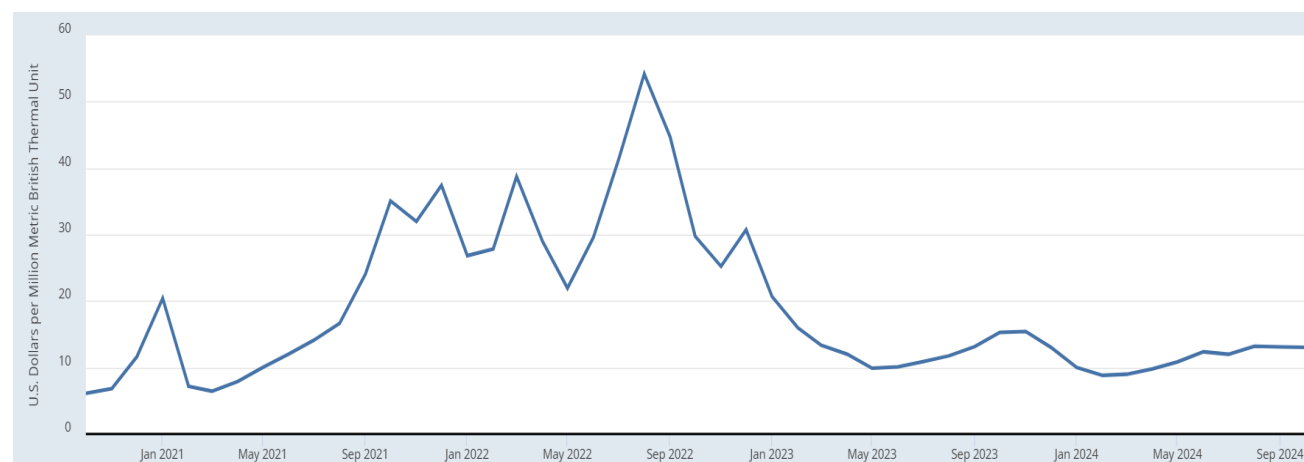


Nguồn: Wood Mackenzie, ABS Research

Giá LNG có xu hướng giảm:

- Theo báo cáo của Reuters, giá LNG đã giảm 58% vào năm 2023 xuống chỉ còn dưới 12 USD/mmBTU.
- Năm 2024, giá hợp đồng tương lai LNG tháng trước tiếp tục giảm và vẫn thấp hơn so với năm 2022 và 2023. Năm nay, giá khí đốt tự nhiên toàn cầu tại các điểm chuẩn chính ở Đông Á (JKM) và Châu Âu tại Cơ sở chuyển nhượng quyền sở hữu (TTF) đã giảm hơn 50% so với năm 2022 và giảm hơn 20% so với năm 2023. Cho đến tháng 10/2024, giá JKM ở Đông Á trung bình là 11,47 USD/mmBTU và giá TTF ở Châu Âu trung bình là 10,37 USD/mmBTU. Giá khí đốt tự nhiên tiếp tục giảm trong năm nay chủ yếu là do lượng hàng tồn kho cao ở Châu Âu, lượng tiêu thụ khí đốt tự nhiên ít hơn và nguồn cung khí đốt tự nhiên toàn cầu tương đối ổn định.
- Dự báo giá khí LNG vẫn tiếp tục yếu trong năm 2025 trong bối cảnh nhu cầu yếu.

Giá LNG khu vực Châu Á



Nguồn: fred.stlouisfed.org, ABS Research

Danh mục các Nhà máy điện khí LNG (MW)

Dự án	Công suất (MW)	Thời gian vận hành dự kiến	Chủ đầu tư
Nhơn Trạch 3 & 4	1,624	2025-2026	PV Power
LNG Hiệp Phước GĐ 1	1,200	2025	Công ty TNHH Hải Linh
LNG Quảng Ninh	1,500	2028-2029	PV Power - CTCP Cơ khí và Lắp máy Việt Nam - Tokyo Gas – Marubeni Tokyo Gas - Kyuden International
LNG Thái Bình	1,500	2030	Corporation - CTCP Tập đoàn Trường Thành Việt Nam.
LNG Nghi Sơn	1,500	2029-2030	
LNG Quảng Trạch II	1,500	2029-2030	EVN
LNG Quỳnh Lập	1,500	2029-2030	
LNG Hải Lăng GĐ 1	1,500	2028-2030	T&T - Tổng Công ty Năng lượng Hanwha (HEC) - KOGAS - KOSPO
LNG Cà Ná	1,500	2029-2030	
Sơn Mỹ I	2,250	2027-2030	EDF - SOJITZ - KYUSHU - Tập đoàn Thái Bình Dương
Sơn Mỹ II	2,250	2027-2030	Công ty AES Việt Nam
LNG Bạc Liêu	3,200	2027-2030	Delta Offshore Energy
LNG Long An I	1,500	2021-2030	VinaCapital - GS Energy
LNG Long An II	1,500	2031-2035	VinaCapital - GS Energy
LNG Long Sơn	1,500	2031-2035	GENCO3 - TTC - PACIFIC - PECC2 - MC - GE

Quy hoạch các kho cảng LNG tại Việt Nam

Dự án	Công suất (triệu tấn/năm)	Vận hành
Kho LNG Thị Vải - GĐ1	1	2023
Kho LNG Hải Linh	3,4	2024-2025
Kho LNG Sơn Mỹ - GĐ 1	3,6	2027
Kho LNG Hải Lăng	1,5	2026
Kho LNG Quảng Ninh – GĐ 1	1,5	n/a
Kho LNG Tây Nam Bộ - GĐ 1	1	n/a
Kho LNG Đông Nam Bộ	4-6	n/a
Kho LNG Thái Bình	0,2-0,5	2026-2030
Kho LNG Tây Nam Bộ - GĐ2	2	2026-2030
Kho LNG Sơn Mỹ - GĐ 2	6	2030
Kho LNG Hải Phòng	1-3	2030-2035
Kho LNG Khánh Hòa	3	2030-2035

Nguồn: QH điện VIII, QH Phát triển Công nghiệp khí Việt Nam, ABS Research

Xu hướng sử dụng LNG, đặc biệt là phục vụ cho phát triển điện LNG là tất yếu nhưng phát triển điện LNG tại Việt Nam đang gặp phải một số khó khăn, thách thức sau:

1. Khó khăn về vốn đầu tư:

- Theo Trung tâm Cơ sở hạ tầng toàn cầu (Global Infrastructure Hub), Việt Nam cần trung bình ít nhất 25 tỷ USD mỗi năm cho chi tiêu cơ sở hạ tầng trong 20 năm tới, trong đó năng lượng chiếm gần 45%. Quy mô 22.524 MW điện LNG đòi hỏi vốn đầu tư khoảng 20 tỷ USD, tương đương gần 500 nghìn tỷ đồng. Những vướng mắc trong đàm phán hợp đồng mua bán điện PPA (hợp đồng mua khí gas) giữa chủ đầu tư với công ty mua bán điện dẫn đến khó khăn trong thu xếp tài chính triển khai dự án trước bối cảnh Chính phủ đã ngừng cung cấp bảo lãnh.
- Viện Kinh tế năng lượng và phân tích tài chính (IEEFA) nhận định, khó khăn về chính sách, nguồn vốn, thị trường khiến cho đầu tư nhiệt điện khí LNG không dễ dàng. Quy trình cấp phép của các dự án LNG tại Việt Nam được đánh giá là phức tạp.

2. Khó khăn về xây dựng cơ sở hạ tầng kho chứa:

- Việt Nam vẫn chưa có cơ chế hay quy định cụ thể cho việc phát triển điện khí LNG; chưa có quy định/tiêu chuẩn trong việc xây dựng kho cảng và nhập khẩu khí LNG. Việc xây dựng nhà máy điện LNG cũng đòi hỏi phải gần vị trí kho cảng nhập LNG, trong khi kho cảng nhập LNG lại yêu cầu phải xây dựng gần cảng nước sâu để phục vụ cho tàu LNG trọng tải lớn.
- Theo QH điện VIII, đến năm 2030, Việt Nam sẽ có 13 nhà máy điện khí LNG được đưa vào vận hành theo mô hình mỗi nhà máy điện một kho cảng nhập khẩu LNG. Điều này có thể dẫn tới không thể tận dụng hết nguồn lực hạ tầng sẵn có, lãng phí tài nguyên cảng biển, khó kết nối tạo thành một hệ thống hạ tầng LNG tổng thể chung.

Xu hướng sử dụng LNG, đặc biệt là phục vụ cho phát triển điện LNG là tất yếu nhưng phát triển điện LNG tại Việt Nam đang gặp phải một số khó khăn, thách thức sau (tiếp):

3. Tính cạnh tranh của điện khí LNG không cao:

- Theo quyết định số 1260/QĐ-BCT của Bộ Công thương phê duyệt khung giá phát điện nhà máy nhiệt điện tua bin khí chu trình hỗn hợp sử dụng khí hóa lỏng (LNG) năm 2024, trần khung giá phát điện cho nhà máy nhiệt điện sử dụng LNG năm 2024 là 2.590,85 đồng/kWh (tương đương 10,57 US cent/kWh) là khá cao so với mức giá các nguồn điện lớn khác đang vận hành trong hệ thống điện nước ta. Mức này cao hơn nhiều các nguồn năng lượng tái tạo, như điện gió vận hành thương mại trước 1/11/2021 (8,5-9,8 cent một kWh). Hay các nguồn điện gió chuyển tiếp đang áp theo khung giá của Bộ Công Thương, mức 6,42-7,34 cent một kWh (1.587-1.816 đồng).

4. Khó khăn về cơ chế mua bán khí & điện:

- Theo quy định và cơ chế vận hành thị trường điện hiện nay, các dự án điện LNG chưa có cơ chế cụ thể để khuyến khích đầu tư phục vụ việc vận hành ổn định lưới điện. Sản lượng điện mua hàng năm Qc cho nhà máy điện khí LNG chưa có quy định nên không thống nhất được với bên mua điện EVN. Trong khi đó, tại Báo cáo khả thi (FS), nhà đầu tư căn cứ quy định tạm xác định số giờ vận hành phát điện là 6.000 giờ/năm và số năm vận hành là 25 năm để tính toán hiệu quả dự án. Do vậy, kết quả vận hành sau này có thể không đạt được như dự kiến trong FS.
- Theo nghiên cứu của Wood Mackenzie, Việt Nam chỉ đang hoàn toàn tiếp xúc với thị trường khí LNG mua và giao ngay, chưa ký bất kỳ hợp đồng mua bán LNG dài hạn nào. Trong khi đó, việc ký kết các hợp đồng mua bán khí dài hạn và ấn định khối lượng khí hàng năm là yêu cầu tiên quyết để có được nguồn khí LNG giá hợp lý, đảm bảo cho dự án điện LNG nhập khẩu hoạt động ổn định, hiệu quả. Ngoài ra, thời điểm xác định khối lượng LNG mua bán cho năm tới trên thị trường quốc tế được xác định vào tháng 8 hàng năm, trong khi để vận hành hệ thống điện và tính toán các nguồn sẽ huy động bao nhiêu cho năm tiếp theo lại được xác định vào tháng 12 hàng năm. Vì vậy, DN có nhà máy điện khí LNG gặp thách thức khi đàm phán mua LNG dài hạn vì không rõ khối lượng phát sinh năm sau.

Khuyến nghị:

- Chúng tôi lựa chọn GAS vì đây là DN có toàn quyền khai thác, phân phối khí và các sản phẩm các mỏ dầu khí do PVN chỉ định tại Việt Nam. Đối với mảng khí LNG, PVGas là đơn vị duy nhất được cấp phép xuất, nhập khẩu LNG tại Việt Nam.
- Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dồi dào và đòn bẩy tài chính thấp.
- Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá P/E & FCFE để tính giá mục tiêu.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	GAS		
	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần	89.954	102.613	105.691
%YoY	-10,70%	14,07%	3,00%
Biên LNG (%)	18,80%	17,00%	16,66%
LNST cổ đông Công ty mẹ	11.606	10.874	10.463
% YoY	-21,7%	-6,31%	-3,77%
EPS (đ/cp)	5.053	4.642	4.466
BVPS (đ/cp)	27.887	25.939	28.334
Nợ/VCSH	0,09	0,06	0,08
ROA (%)	13,20%	11,52%	10,31%
ROE (%)	18,10%	17,89%	15,76%

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CTCP (GAS-HOSE) – KHẢ QUAN

GIÁ HIỆN TẠI (29/11/2024): 69.600 VNĐ – GIÁ MỤC TIÊU: 75.700 VNĐ (Upside: +8,8%)

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- Hiện PVGas là đơn vị có toàn quyền khai thác, phân phối khí và các sản phẩm các mỏ dầu khí do PVN chỉ định & là đơn vị duy nhất có đầy đủ hệ thống cơ sở hạ tầng khí, bao gồm hệ thống thu khí tại nguồn, đường ống phân phối vận chuyển, hệ thống lưu trữ và nhà máy sản xuất khí; giữ vị thế số 1 về cung cấp LPG với 75% thị phần trên thị trường LPG Việt Nam.
- Nhu cầu khí cho điện dự kiến vẫn cao: theo Quy hoạch điện VIII, điện khí dự kiến được nâng tỷ trọng đóng góp trong hệ thống điện quốc gia từ 9% (2022) lên 26% (2030).
- Mảng LNG sẽ trở thành động lực tăng trưởng trung và dài hạn của PVGas. Theo phương án cung cấp khí cho sản xuất điện đến năm 2030, VN sẽ thiếu hụt khoảng 5,4 tỷ m³ khí/năm do sự suy giảm của các mỏ lâu năm. Do đó, LNG nhập khẩu sẽ là nguồn bổ sung quan trọng trong dài hạn. Bên cạnh đó, xu hướng điện khí cũng được QH điện VIII đề cao vai trò khi nâng tỷ trọng lên 14,9% tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống vào năm 2030. Hiện nay, PVGas là đơn vị đầu tiên và duy nhất tại VN đủ điều kiện xuất nhập khẩu LNG.
- Kỳ vọng từ các dự án lớn của ngành được thúc đẩy tiến độ triển khai. PVGas hiện đang và sẽ tham gia vào các dự án lớn như Dự án LNG Thị Vải, Dự án LNG Sơn Mỹ, Dự án Sư tử trắng – GĐ 2B, Dự án Lô B – Ô Môn. Các dự án này dự kiến sẽ giúp cải thiện năng lực cung cấp khí của PVGas thời gian tới.
- Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dồi dào và đòn bẩy tài chính thấp. Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền hàng năm cao và đều đặn: năm 2022: 36%, năm 2023: 60% và dự kiến năm 2024 là 20%.

RỦI RO ĐẦU TƯ

- Sản lượng khí các mỏ Khu vực Đông Nam Bộ đang suy giảm, đặc biệt là các mỏ lớn đã khai thác lâu năm như mỏ Bạch Hổ, mỏ Lan Tây – Lan Đỏ. Rủi ro giá dầu giảm có thể ảnh hưởng tới tiến độ các dự án lớn của ngành.
- Các dự án lớn của ngành bị chậm tiến độ triển khai.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Thùy Linh

Giám đốc Trung tâm Phân tích

linh.ngthithuy@abs.vn

NĂNG LƯỢNG & HÓA CHẤT

Lê Thị Kim Huê

Phó Giám đốc Phòng Phân tích

hue.lethikim@abs.vn

HÀNG CÔNG NGHIỆP

Nguyễn Thị Kỳ Duyên

Chuyên viên phân tích

duyen.nguyenthiky@abs.vn

VĨ MÔ & TÀI CHÍNH

Nguyễn Xuân Hải

Chuyên viên phân tích

hai.nguyensexuan@abs.vn

HÀNG XUẤT KHẨU & CNTT

Bùi Minh Anh

Chuyên viên phân tích

anh.buiminhh@abs.vn

BẤT ĐỘNG SẢN, VLXD & XÂY LẮP

Phạm Hồng Trường

Chuyên viên phân tích

truong.phamhong@abs.vn

PTKT & CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Đặng Xuân Lưu

Giám đốc Phân tích

luu.dangxuan@abs.vn

BÁN LẺ & HÀNG TIÊU DÙNG

Kiều Thị Thanh Thư

Chuyên viên phân tích

thu.kieuthithanh@abs.vn

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Để được hỗ trợ tư vấn và nhận các thông tin khuyến nghị, báo cáo thường xuyên, kịp thời, tải ABS Invest ngay tại



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Trải nghiệm ngay bằng giá
ABS Web Trading

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Nhóm thực hiện

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 35624626 Số máy lẻ: 135

www.abs.vn